

Số: 58/BC-LTT

Tiên Phước, ngày 21 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

I. THÔNG TIN CHUNG

Sau khi thực hiện sáp nhập chính quyền địa phương hai cấp, Trường trung học cơ sở (THCS) Lý Tự Trọng được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Phước về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng thuộc Ủy ban nhân dân xã Tiên Phước. Trường đóng trên địa bàn thôn Bình An, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng. Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã, có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ, giao thông thuận tiện; đời sống người dân ổn định; mặt bằng dân trí cao, cha mẹ học sinh (CMHS) quan tâm đến việc học tập của con em. Với số lớp và số học sinh hằng năm đều đông, vì vậy được các cấp đầu tư về cơ sở vật chất khá tốt, đủ điều kiện dạy học 2 ca/ngày. Đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao, đa phần giáo viên trẻ có nhiệt huyết với nghề. Tập thể đoàn kết, có sự thống nhất chung, vì vậy nhà trường luôn là đơn vị dẫn đầu nhiều năm nay. Chính vì thế, nhà trường đã khẳng định được vai trò và uy tín của mình, trở thành đơn vị dẫn đầu khối THCS của ngành giáo dục và đào tạo (GDĐT) xã nhà.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN, HỌC SINH

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo (tính đến thời điểm 21/11/2025)

- Cán bộ quản lý: Có 03 cán bộ quản lý (01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng). Có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng hiện tại đã tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, lớp quản lý giáo dục. Trình độ đào tạo đạt chuẩn: 03/03 CBQL có bằng đại học.

- Giáo viên: Tổng số giáo viên 48 người, trong đó có 37 giáo viên biên chế, 11 giáo viên hợp đồng. Đội ngũ giáo viên đảm bảo về cơ cấu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy học. Đa số giáo viên có tuổi đời ở mức trung niên nên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nhiều thầy cô giáo tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao trong nhiệm vụ được giao. Trình độ đào tạo đạt chuẩn: 47/48 giáo viên (1GV có bằng CDSP)

- Nhân viên: 04 người, trong đó có 03 biên chế (Thư viện, Văn thư, kế toán), 01 hợp đồng theo Nghị định 111 (Bảo vệ). Đội ngũ nhân viên đủ kinh nghiệm, có trách nhiệm trong công việc. Trình độ đào tạo trung cấp: 3/3

2. Tình hình học sinh

Tình hình học sinh đầu năm học 2025 - 2026: Tổng số 879 em; chia ra:

Khối	Số lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Hộ nghèo	Cận nghèo	Ghi chú
6	6	211	97	0	5	2	4	
7	6	221	107	0	6	4	5	
8	7	245	111	1	3	3	7	
9	6	202	89	0	4	1	6	
Tổng	25	879	404	1	18	10	22	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học tối thiểu 2 ca/ngày. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng thực chất với yêu cầu dạy học của chương trình GDPT 2018 và dạy học 02 buổi/ngày.

1. Khối phòng hành chính – quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ; khu vệ sinh giáo viên: 01; khu để xe giáo viên và học sinh: 04 (trong đó GV 01, HS 03).

2. Khối phòng học tập

- Phòng học: 15 phòng.

- Phòng học bộ môn: 5 phòng gồm: phòng bộ môn Khoa học tự nhiên: 01; phòng Tin học: 01; phòng Âm nhạc 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng Công nghệ: 01.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập: Gồm 07 phòng: Phòng Thư viện: 3 (1 phòng đọc dành cho giáo viên, 01 kho sách, 01 phòng đọc (sử dụng dùng dạy các tiết học Thư viện) dành cho học sinh, 01 khu mở rộng dùng đọc sách cho học sinh); 02 phòng thiết bị, phòng Truyền thống: 01; 01 phòng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

4. Nhà đa năng: 01 sử dụng để dạy GDTC, các sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ được bố trí trên sân trường.

5. Khối phòng phụ trợ: 01 phòng y tế, 04 phòng tổ chuyên môn; 01 phòng kho, 02 nhà vệ sinh học sinh và 01 nhà vệ sinh giáo viên.

Có cổng, hàng rào đảm bảo an toàn. Sân trường có nhiều cây xanh, bóng mát.

6. Sân thể dục thể thao của nhà trường đảm bảo an toàn.

7. Hạ tầng kỹ thuật

- Nhà trường có 01 giếng khoan, 01 giếng đào, đảm bảo cung cấp nước uống cho học sinh.

- Hệ thống điện 3 pha đảm bảo đủ ánh sáng mùa đông và cung cấp điện chạy máy quạt mát trong mùa hè.

- Hệ thống mạng được kết nối Internet đảm bảo dạy học và tra cứu thông tin trong nhà trường.

8. Trang thiết bị văn phòng, phòng học và thiết bị dạy học
- Trang thiết bị văn phòng đảm bảo đủ để đáp ứng yêu cầu công việc của từng cá nhân, bộ phận.
 - Mỗi phòng học có 01 Tivi, đáp ứng yêu cầu dạy học CNTT.
 - Trang thiết bị dạy học lớp 6,7 tương đối đầy đủ theo danh mục qui định tối thiểu của Bộ GDĐT. Phòng Tin có 40 máy tính, đáp ứng yêu cầu 01 học sinh/máy. Bàn ghế đảm bảo đúng quy cách (340 bộ).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm 2024, nhà trường đã được công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDĐT ngày 04/04/2024 về việc cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục; đạt chuẩn Quốc gia Mức 2 theo Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam công nhận trường THCS đạt chuẩn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng giáo dục 2 mặt

- + Kết quả học tập: Tốt 304/770 em, tỷ lệ 39,48%; Khá 256/770 em, tỷ lệ 33,25%. 99,74% được xếp loại Đạt trở lên sau khi rèn luyện trong hè.
- + Kết quả rèn luyện: Loại Tốt 753/770 em, tỷ lệ 97,79%; Khá 17/770 em, tỷ lệ 2,21%.
- + Tỷ lệ HS được công nhận tốt nghiệp THCS: 100%
- + Tỷ lệ đỗ vào lớp 10 công lập: 96/101 em, tỷ lệ 95,01%.
- + Đỗ vào trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm: 05 em (02 Toán, 01 Hóa, 01 Anh, 01 Vật lý)
- + Tỷ lệ bỏ học giữa chừng trong năm học và hè 2024 – 2025 là 0,65%.

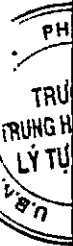
2. Chất lượng tham gia các kì thi, hội thi, cuộc thi

Nhà trường đã tổ chức đầy đủ các Hội thi, cuộc thi cấp trường và tham gia các cuộc thi, kỳ thi, hội thi cấp huyện, cấp tỉnh.

** Kết quả học sinh tham gia Hội thi cấp huyện, cấp tỉnh cụ thể như sau:*

Số lượng dự thi, môn thi, kết quả đạt được:

- Hội thi Kể chuyện theo sách: giải Khuyến khích;
 - Giải thể thao học sinh: giải Nhất toàn đoàn
 - Hội thi Giáo viên THCS dạy giỏi cấp huyện: 2 giải Nhất môn Công nghệ, KHTN (phân môn Sinh học)
 - Hội thi Giáo viên THCS chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện: 1 giải Khuyến khích
 - Hội thi trưng bày sản phẩm STEM cấp huyện: 3 giải A, 1 giải C
 - Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện: 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 1 giải Ba, 6 giải Khuyến khích
 - Kỳ thi học sinh giỏi lớp 6,7 cấp huyện: 5 giải Nhất, 4 giải Nhì, 9 giải Ba, 22 giải Khuyến khích
 - Kỳ thi học sinh giỏi lớp 8 cấp huyện: 4 giải Nhất, 6 giải Nhì, 5 giải Ba, 6 giải Khuyến khích
 - Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh: 2 giải Nhất, 3 giải Nhì, 8 giải Ba, 3 giải Khuyến khích
- Được xếp vị trí thứ Nhất toàn đoàn so với các trường THCS trên địa huyện.



VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Đối với thu chi nguồn học phí

MAG SANG NĂM 2024 + CẤP BÙ	TỔNG CHI	TỜN	GHI CHÚ
96.263.439	51.220.915	45.042.524	

Chi tiết chi:

Chi tiền hội thi kể chuyện theo sách cấp trường năm học 2024-2025	1.180.000
Chi tiền ăn cho học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện năm học 2024-2025	840.000
Chi tiền ăn cho học sinh tham gia cuộc thi trưng bày sản phẩm stem cấp huyện năm học 2024-2025	720.000
Chi tiền bồi dưỡng cho giáo viên tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2024-2025	600.000
Chi tiền tổ chức giải thể thao cấp trường năm học 2024-2025	1.880.000
Chi tiền nước uống tập luyện, tiền thuê trang phục văn nghệ và tiền ăn cho học sinh tham gia hội thi kể chuyện theo sách cấp huyện năm học 2024-2025	2.518.080
Chi tiền ăn cho học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi lớp 6.7 cấp huyện năm học 2024-2025	3.060.000
Chi tiền thuê sân tập luyện môn cầu lông cho học sinh tham gia thi đấu giải thể thao học sinh cấp huyện năm học 2024-2025	1.360.000
Chi tiền chụp ảnh cho học sinh tham gia thi đấu giải thể thao học sinh cấp huyện năm học 2024-2025	420.000
Chi tiền khám sức khỏe cho học sinh tham gia thi đấu giải thể thao học sinh cấp huyện năm học 2024-2025	980.000
Chi tiền tổ chức ngày hội tiến bước lên đoàn	1.200.000

Chi tiền thuê trang phục văn nghệ tham gia hội thi giáo viên làm TPT đội giỏi cấp huyện năm học 2024-2025	1.120.000
Chi tiền ăn cho học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi lớp 8 cấp huyện năm học 2024-2025	1.740.000
Chi trả tiền mua vở phát thưởng cuối năm học 2024-2025	9.114.235
Chi tiền in ép giấy khen phát thưởng cuối năm học 2024-2025	2.504.000
Chi tiền khám sức khỏe cho học sinh tham gia giải bơi lội huyện Tiên Phước năm học 2024-2025	210.000
Chi trả tiền thuê đồ trang phục văn nghệ bế giảng cuối năm học 2023-2024	2.025.000
Chi tiền ăn, tiền chụp ảnh cho học sinh tham gia giải thể thao, bơi lội, tin học trẻ	5.800.000
Chi tiền mua bánh, kẹo, nước uống phục vụ chuyên môn cụm số 3 đợt 1 và đợt 2 năm học 2024-2025	1.600.000
Chuyển tiền mua đồ dùng phục vụ hội thi GV chủ nhiệm giỏi cấp huyện năm học 2024-2025	199.600
Chi tiền khen thưởng cho GV, NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025 (Công tác bồi dưỡng học sinh đạt giải các kỳ thi hội thi, công tác CN...)	12.150.000
Tổng chi	51.220.915

2. Đối với thu chi nguồn ngân sách

2.1. Đối với thu chi nguồn ngân sách huyện không tự chủ

NGÂN SÁCH GIAO	ĐÃ CHI	TỜN	GHI CHÚ
851.643.000	148.740.000	702.903.000	

Chi tiết chi:

Chi chế độ học sinh, HKII 2024-2025	36.140.000
-------------------------------------	------------

Chi tiền kê thay cho giáo viên Mỹ Thuật năm học 2024-2025	31.000.000
Chi gia hạn phần mềm Misa, tài sản	9.000.000
Chi mua sắm sửa chữa	60.000.000
Kinh phí nâng cấp gia hạn phần mềm quản lý tiền lương	6.000.000
Kinh phí học bạ số	6.600.000
Tổng chi	148.740.000

2.2. Đối với thu chi nguồn ngân sách huyện tự chủ

NGÂN SÁCH GIAO	ĐÃ CHI	TÒN	GHI CHÚ
10.928.731.000	10.041.185.566	887.545.434	

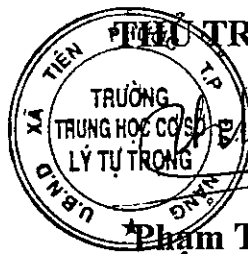
Chi tiết chi:

Chi tiền lương	4.881.783.463
Chi tiền công trả cho vị trí lao động hợp đồng	378.752.000
Chi phụ cấp lương	2.890.672.825
Chi các khoản đóng góp bảo hiểm	1.426.052.493
Chi tiền thuê dực ngoài trời	40.691.378
Chi cấp bù học phí	43.439.000
Chi tiền khen thưởng	8.658.000
Chi tiền điện	29.651.357
Chi tiền rác thải	10.800.000
Chi thanh toán văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	19.020.000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.642.268
Hội nghị	3.000.000
Chi công tác phí	13.420.382
Chi phí thuê mướn	9.750.000
Chi mua sắm sửa chữa thiết bị tin học	66.331.500

Chi mua sắm sửa chữa hệ thống điện	5.390.000
Chi sửa chữa nhỏ	5.060.000
Chi hoạt động chuyên môn	129.289.300
Chi tiếp khách, các khoản phí và lệ phí, khác...	7.472.000
Chi hỗ trợ Tết nguyên đán, 20/11	62.300.000
Chi mua bánh kẹo nước uống gặp mặt CBGV, NV tết Nguyên Đán Tất Tỵ năm 2025	2.009.600
Tổng chi	10.041.185.566

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả Phổ cập giáo dục: Đạt mức 3.
2. Kết quả xây dựng trường học hạnh phúc: Mức 2.
3. Kết quả trường đạt chuẩn quốc gia: duy trì mức 2.
4. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục: duy trì mức độ 3.



PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Thị Túy Lanh

ĐÀ NẴNG

6

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.